

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ LẠNG SƠN  
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2021/HNGĐ-ST  
Ngày 29 - 7 - 2022  
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con  
khi ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LẠNG SƠN, TỈNH LẠNG SƠN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Tạ Thị Nhân.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Xuân Quý.

Bà Nguyễn Thị Bích Thuận.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Hoàng Mai Trang, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa:** Bà Lê Thị Khanh - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 52/2022/TLST-HNGĐ, ngày 01 tháng 4 năm 2022 về "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2022/QĐST-HNGĐ ngày 13-7-2022 của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị V, sinh năm 1991; đăng ký hộ khẩu thường trú: ABC, tỉnh L; địa chỉ liên hệ: DEF, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

- Bị đơn: Anh H, sinh năm 1985. Địa chỉ: ABC, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Theo đơn khởi kiện ngày 21-3-2022, bản tự khai, bản trình bày tiếp theo, nguyên đơn, Chị V trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh H kết hôn năm 2010, có đăng ký kết hôn tại XYZ, tỉnh Lạng Sơn. Trước khi kết hôn chị và anh H có được tự do tìm hiểu, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn chị và anh H chung sống cùng bố, mẹ anh H tại ABC, tỉnh Lạng Sơn. Cuộc sống vợ chồng ban đầu hòa thuận, hạnh phúc. Mâu thuẫn phát sinh từ năm 2015, nguyên nhân mâu thuẫn do anh H thường xuyên sử dụng chất kích thích (rượu), không làm chủ

được bản thân nên chửi, đánh chị. Mâu thuẫn giữa hai vợ chồng chị đã được hai bên gia đình hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Năm 2016 chị đi làm ở B, anh H có đi làm cùng được khoảng 3, 4 tháng, sau đó tự ý bỏ về L. Chị tiếp tục làm ở đó đến năm 2019 chị về L vì muốn gần gũi, chăm sóc con và để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không được cải thiện. Vì vậy, đến năm 2020 chị lại đi xuống B làm việc, hai vợ chồng sống ly thân kể từ thời gian đó đến nay. Nay chị xác định không còn tình cảm với anh H, chị yêu cầu được ly hôn với Anh H.

Về con chung: Chị và Anh H có 02 con chung tên L, sinh ngày 26-7-2011 và HV, sinh ngày 27-6-2015. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị yêu cầu khi ly hôn chị được trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục cháu L, anh H được nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục cháu HV, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con. Nhưng nếu anh H muốn nuôi cả hai người con chung thì chị cũng nhất trí, chị sẽ có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con, số tiền 1.000.000đ/tháng/con đến khi con đủ 18 tuổi. Chị yêu cầu nếu anh H nuôi con thì chị phải được thăm nom con chung, không được cản trở.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

*Theo bản tự khai, biên bản ghi lời khai và biên bản hòa giải, bị đơn Anh H trình bày:*

Anh nhất trí với lời khai của Chị V về điều kiện, thời gian kết hôn, quá trình chung sống và phát sinh mâu thuẫn. Nhưng anh cho rằng mâu thuẫn giữa anh và chị V chưa đến mức trầm trọng, anh xác định vẫn còn tình cảm với chị V nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh và chị V có 02 con chung tên L, sinh ngày 26-7-2011 và HV, sinh ngày 27-6-2015. Khi ly hôn anh yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục hai người con chung đến khi con trưởng thành đủ 18 tuổi, chị V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, số tiền 1.000.000đ/tháng/con đến khi con đủ 18 tuổi. Về tài sản chung: Không có. Về nợ chung: Không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lạng Sơn có ý kiến về việc chấp hành pháp luật tố tụng như sau: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự về trình tự, thủ tục giải quyết vụ án. Nguyên đơn chấp hành nghiêm túc đúng quy định về việc viết bản khai, tham gia phiên họp, phiên hòa giải và cung cấp tài liệu, chứng cứ theo quy định. Bị đơn chấp hành nhưng chưa đầy đủ nghĩa vụ về việc tham gia phiên họp, phiên tòa theo quy định.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án khẳng định mâu thuẫn giữa anh H và chị V đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt. Về con chung: Chị V và Anh H có hai người con chung là L, sinh ngày 26-7-2011 và HV, sinh ngày 27-6-2015. Xét điều kiện nuôi dưỡng cũng như nguyện vọng của các con, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, các Điều

51, 56, 81, 82, 83, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và gia đình, Nghị quyết 326/2014/UBTVQH ngày 30-12-2016 về án phí, lệ phí Tòa án, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị V ly hôn với anh H; giao con chung cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục đến khi con đủ 18 tuổi, chị V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung số tiền 1.000.000 đồng/con/tháng và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở. Chị V phải chịu án phí theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Chị V có đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết về quan hệ hôn nhân và con chung nên xác định quan hệ tranh chấp của vụ án là ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn. Bị đơn Anh H cư trú tại ABC, tỉnh L, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh L.

[2] Phiên tòa mở lần thứ hai, nguyên đơn Chị V vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn Anh H đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt những người trên.

[3] Căn cứ vào lời khai của đương sự, căn cứ vào chứng cứ do đương sự cung cấp và các chứng cứ do Tòa án thu thập có đủ cơ sở để khẳng định: Năm 2010, chị V và anh H về chung sống với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên cuộc hôn nhân này là hợp pháp. Chị V và anh H đều khẳng định do có mâu thuẫn nên anh chị đã sống ly thân với nhau, phù hợp với tài liệu, chứng cứ Tòa án thu thập được. Anh H cho rằng anh vẫn còn tình cảm với chị V và mâu thuẫn giữa anh và chị V chưa đến mức trầm trọng, tuy nhiên anh không đưa ra được phương án để khắc phục mâu thuẫn, hàn gắn rạn nứt. Chị V có thời gian đi làm ở B, với mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng nên chị trở về L sinh sống cùng anh H nhưng anh H không biết trân trọng cơ hội, tiếp tục có những hành động, lời nói không đúng mực khiến chị tiếp tục bỏ đi làm ở B. Xét thấy, mục đích của hôn nhân là xây dựng cuộc sống gia đình hạnh phúc, vợ chồng hòa thuận, tin tưởng, thương yêu nhau, mâu thuẫn giữa chị V và anh H đã trầm trọng, hai người không còn tiếng nói chung, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên xử cho chị V được ly hôn với anh H là có cơ sở theo khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Trong quá trình chung sống chị V và anh H có 02 người con chung là cháu L, sinh ngày 26-7-2011 và cháu HV, sinh ngày 27-6-2015, hiện nay hai cháu đang ở với anh H. Ban đầu, cả chị V và anh H đều có nguyện vọng được nuôi con. Quá trình giải quyết vụ án, tại biên bản lấy lời khai và đơn xin xét xử vắng mặt chị V trình bày chị nhất trí với ý kiến của anh H, để anh H nuôi hai người con chung, chị có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con số tiền 1.000.000đ/tháng/con. Tòa án đã hỏi nguyện vọng của các cháu, cả hai cháu đều có nguyện vọng ở với bố. Căn cứ vào Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm

2014, chấp nhận cho anh H được quyền trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung là L và HV đến khi các cháu đủ 18 tuổi, chị V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/con/tháng và có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

[6] Về án phí: Chị V phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng là phù hợp với quy định nên được chấp nhận.

[8] Về quyền kháng cáo: Chị V, anh H được quyền kháng cáo Bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

Các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

### **Tuyên xử:**

#### **1. Về quan hệ hôn nhân:**

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị V, xử cho nguyên đơn chị V được ly hôn với bị đơn anh H.

*(Giấy chứng nhận kết hôn số 115/2010, quyển số 02/2010 do XYZ, tỉnh L cấp ngày 12-11-2010).*

#### **2. Về con chung:**

Giao cháu L, sinh ngày 26-7-2011 và cháu HV, sinh ngày 27-6-2015 cho anh H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con đủ 18 tuổi. Chị V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con số tiền 1.000.000 đồng/con/tháng và có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên

phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

**3. Về tài sản chung:** Không có.

**4. Về nợ chung:** Không có.

**5. Về án phí:** Chị V phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con để nộp quỹ Nhà nước. Xác nhận chị V đã nộp số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2016/0000824, ngày 31 tháng 3 năm 2022 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố L, tỉnh L. Chị V còn phải nộp tiếp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí.

**6. Về quyền kháng cáo:** Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND TP. Lạng Sơn, T.Lạng Sơn;
- CC THADS TP. Lạng Sơn, T.Lạng Sơn;
- UBND xã H, TP.L, T.Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Tạ Thị Nhàn**